

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2019/HSST
Ngày 12 tháng 7 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Hà.

***- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phi Khanh và ông Nghiêm
Thế Hùng.***

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lệ Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông **Đào Anh Tuấn** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 61/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2019, đối với bị cáo:

Lê H, sinh năm 1995 tại Gia Lai. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn 3, xã Ia T, huyện Ia G, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: không;

Học vấn: 6/12; nghề nghiệp: không;

Con ông Lê N, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Ngọc H - Sinh năm 1970.

Cha và mẹ của bị cáo hiện trú tại thôn 3, xã Ia Tô, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;

Bị cáo có 03 anh, em ruột; lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1997. Bị cáo là con thứ 3 trong gia đình;

Vợ Trần Thị Bảo Y - Sinh năm 1995; Bị cáo có 01 người con sinh năm 2015.

Nhân thân: Bản án số 26/2013/HSST ngày 28/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện Ia G, tỉnh Gia Lai đã tuyên phạt bị cáo 20 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”(theo quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009). Ngày 13/6/2014 chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/11/2018 và tạm giam từ ngày 18/11/2018 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Pleiku. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

- Chị Lê Thị Kim O, sinh năm 1993.

Địa chỉ: 403 đường T, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Chị Vũ Thị L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ 5, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có đơn vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Phụng H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: 23B Nguyễn N, tổ 13, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê N, sinh năm; 1966.

Địa chỉ: Thôn 3, xã Ia T, huyện Ia G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Ông Phạm Văn Đ, sinh năm; 1969.

Địa chỉ: Thôn 10, xã Ia T, huyện Ia G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Chị Huỳnh Thị Mỹ P, sinh năm; 1986.

Địa chỉ: 279 đường N, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Phạm Văn T, sinh năm; 1995.

Địa chỉ: Thôn 4, xã Ia T, huyện Ia G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn Phú, sinh năm; 1985.

Địa chỉ: 56 đường T, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 16/10/2018 đến ngày 08/11/2018, Lê H đã thực hiện 03 vụ cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 16 giờ ngày 16/10/2018, Lê H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Nouvo biển số 81C1 - 055.67 chạy trên đường N hướng đi về đường H, thành phố Pleiku, với mục đích tìm người đi đường có tài sản thì giật. Khi đến trước số nhà 604 đường N, phường H, thành phố Pleiku, thấy chị Lê Thị Kim O (sinh năm 1993, trú tại số nhà 403 đường T, phường C, thành phố Pleiku) điều khiển xe mô tô biển số 81B1 - 171.04 đang đi phía trước cùng chiều, trong túi áo khoác bên trái có để 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus màu trắng - hồng nên H tăng ga chạy ép sát bên trái xe của chị O, rồi dùng tay phải giật chiếc điện thoại của chị O. Sau đó, H tăng ga điều khiển xe mô tô chạy thoát. Sau khi chiếm đoạt được chiếc điện thoại trên, H đem đến bán cho một người đàn ông chạy xe thò (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đứng trước Siêu thị Tam Ba, đường T, phường D, thành phố Pleiku được 400.000 đồng và đã tiêu xài hết. Do chưa xác định được nhân thân,

lai lịch của người đàn ông đã mua chiếc điện thoại trên nên chưa thu hồi được. Qua định giá, xác định: Chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus màu trắng hồng, có trị giá là 4.000.000 đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 31/10/2018, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Nouvo biển số 81C1 – 055.67 chạy trên đường C, hướng đi về Bệnh viện nhi tỉnh Gia Lai. Khi đến đoạn trước số nhà 502 đường C, thôn 06, xã T, thành phố Pleiku, thấy chị Vũ Thị L (sinh năm 1988; trú tại Tổ 05, phường T, thành phố Pleiku) điều khiển xe mô tô đi phía trước cùng chiều, trong túi áo khoác bên trái có 01 điện thoại di động hiệu Oppo F7 màu đỏ nên H tăng ga ép sát bên trái xe chị L, dùng tay phải giật chiếc điện thoại trên rồi điều khiển xe theo đường T chạy thoát. Sau đó, H mang chiếc điện thoại này đến bán cho anh Nguyễn Văn P (sinh năm 1985), là chủ tiệm điện thoại H ở số 56 đường T, phường T, thành phố Pleiku với giá 2.000.000 đồng và đã tiêu xài hết. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh và ghi lời khai của anh P nhưng anh P khai không nhớ là có mua điện thoại của H hay không và tại tiệm không có điện thoại nào có đặc điểm mà H đã chiếm đoạt của chị Vũ Thị L nên không thu giữ được. Qua định giá, xác định: Chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F7 màu đỏ, có trị giá là 4.000.000 đồng.

Vụ thứ 3: Khoảng 09 giờ ngày 08/11/2018, H ngồi uống cà phê với anh Phạm Văn T (sinh năm 1995, trú tại Thôn 04, xã Ia T, huyện Ia G, tỉnh Gia Lai) tại quán vỉa hè trên đường L, thành phố Pleiku. Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên H nảy sinh ý định tìm người đi đường có tài sản thì giật. Lúc này, H hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki biển số 81R1 – 3533 của anh T và nói dối là để đi công việc, anh T đồng ý. Sau đó, H điều khiển xe đi dạo tìm người đi đường có tài sản để sơ hở thì giật. Đến khoảng 09 giờ 20 phút cùng ngày, khi chạy trên đường L, thuộc Tổ 12, phường T, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, thấy chị Nguyễn Thị Phụng H (sinh năm 1994, trú tại số 23B đường N, Tổ 13, phường Y, thành phố P) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade biển số 81B1 – 531.61 đi phía trước cùng chiều, bên túi áo khoác trái của chị H có để 01 chiếc điện thoại hiệu Samsung Galaxy J7 màu trắng - bạc nên H tăng ga đi tới áp sát, dùng tay phải giật lấy điện thoại trong túi của chị H rồi điều khiển xe chạy thoát. Sau đó, H mang bán chiếc điện thoại này cho chị Huỳnh Thị Mỹ P (sinh năm 1986) là chủ tiệm điện thoại T tại số 279 đường N, phường P, thành phố Pleiku, với giá 1.800.000 đồng. Sau khi bị giật tài sản, chị H đã đến trình báo tại Công an phường Y, thành phố Pleiku. Đến 16 giờ 30 phút cùng ngày 08/11/2018, H đến Công an thành phố Pleiku đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Ngày 29/11/2018, chị Huỳnh Thị Mỹ P đã giao nộp cho Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 mà chị P đã mua của Lê H.

Qua định giá, xác định: Chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 màu trắng - bạc có trị giá là 2.200.000 đồng. Sau khi định giá xong, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku đã trả lại chiếc điện thoại trên cho chị H.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Nouvo biển số 81C1 – 055.67, xác định: Chủ sở hữu của chiếc xe này là ông Lê N (là cha của bị cáo Lê H). Ông N cho H mượn để làm phương tiện đi lại. Việc Lê H sử dụng chiếc xe trên để đi thực hiện hành vi phạm tội thì ông N không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku không thu giữ chiếc xe trên.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki biển số 81R1-3533 là của ông Phạm Văn Đ (sinh năm 1969, trú tại Thôn 10, xã Ia T, huyện Ia G, tỉnh Gia Lai). Ông Đ giao cho anh Phạm Thanh T mượn sử dụng. Việc H mượn xe của anh T rồi sử dụng xe để đi thực hiện hành vi phạm tội thì ông Đ và anh T không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku đã trả chiếc xe mô tô biển số 81R1-3533 cho ông Đ.

Về dân sự: Bị hại Lê Thị Kim O yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 8.000.000 đồng; bị hại Vũ Thị L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 6.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Mỹ P yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.800.000 đồng.

Quá trình điều tra, do có sự tác động của bị cáo Lê H nên ông Lê N (là cha của bị cáo) đã giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an thành phố Pleiku số tiền 2.000.000 đồng, để bồi thường khắc phục hậu quả cho các bị hại. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, bị can Lê H còn khai nhận đã thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản vào ngày 15/4/2018 tại địa bàn huyện Ia G, tỉnh Gia Lai.

Tại Bản cáo trạng số: 64/CT - VKS ngày 16/4/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Lê H về tội: “**Cướp giật tài sản**” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị tuyên bố bị cáo Lê H phạm tội:

“Cướp giật tài sản”; đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b,r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo mức án từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 12 tháng

tù về tội “ Trộm cắp tài sản” tại bản án số 03/2019/HSST ngày 23/1/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội mức án từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại Lê Thị Kim O, Vũ Thị L mỗi bị hại số tiền 4.000.000 đồng, bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị P số tiền 1.800.000 đồng.

Tiếp tục bảo thủ số tiền 2.000.000 đồng ông Lê N đã nộp thay cho bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 390.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận có hành vi “Cướp giật tài sản” như cáo trạng đã nêu, nhận thấy hành vi đó của mình là sai trái, vi phạm pháp luật; bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đối với mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo và người chứng kiến trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 16/10/2018 đến ngày 08/11/2018, Lê H đã sử dụng phương tiện là xe mô tô để thực hiện 03 vụ cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, tài sản chiếm đoạt là 03 chiếc điện thoại di động các loại, có tổng trị 10.200.000 đồng.

[3] Hành vi giật tài sản của người khác rồi nhanh chóng tẩu thoát như đã nêu trên của bị cáo Lê H là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Khi thực hiện hành vi giật tài sản, bị cáo Hiền đã sử dụng xe mô tô **làm phương tiện** nên đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng, đó là: “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*”. Do vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung

năm 2017 đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã truy tố.

Bị cáo là thanh niên, có sức khỏe, có khả năng lao động nhưng vì lòng biếng, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu xài cho bản thân nên đã phạm tội. Bị cáo có nhân thân xấu, đã có tiền án về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” mặc dù đã xóa án tích nhưng vẫn không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội. Do vậy, cần thiết phải xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xét bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú, đã tự khai ra các vụ cướp giật mà bị cáo đã thực hiện, đã tích cực tác động gia đình nộp 2.000.000 đồng để bồi thường, khắc phục hậu quả cho các bị hại, bị hại Vũ Thị L xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sẽ được Hội đồng xét xử áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã thực hiện 03 vụ cướp giật tài sản, nên bị cáo đã phạm vào tình tiết “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tổng hợp hình phạt: tại bản án số 03/2019/HSST ngày 23/1/2019 của Tòa án nhân dân huyện IaGrai, tỉnh Gia Lai đã xử phạt bị cáo Lê H 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bản án này đã có hiệu lực pháp luật do vậy Hội đồng xét xử sẽ tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

[6] Về dân sự: Tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị hại Lê Thị Kim O yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 4.000.000 đồng; bị hại Vũ Thị L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 4.000.000 đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Mỹ P yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.800.000 đồng. Đối với bị hại Nguyễn Thị Phụng H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã nhận lại toàn bộ tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Xét thấy các yêu cầu bồi thường của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chính đáng nên chấp nhận buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Lê Thị Kim O số tiền 4.000.000 đồng, chị Vũ Thị L số tiền 4.000.000 đồng, chị Huỳnh Thị Mỹ P số tiền 1.800.000 đồng.

[7] Về vật chứng vụ án: Tiếp tục bảo thủ số tiền 2.000.000 đồng mà ông Lê N đã nộp thay bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Văn P và chị Huỳnh Thị Mỹ P là những người đã mua các chiếc điện thoại di động do bị cáo Lê H mang đến bán. Tuy nhiên, khi mua các chiếc điện thoại này, anh P và chị P không biết đó là tài sản do bị cáo H cướp giật mà có nên không có đủ căn cứ để xử lý về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với người đàn ông chạy xe thô là người mà bị cáo khai đã mua điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus màu trắng - hồng tại khu vực Siêu thị T, đường T, phường D, thành phố Pleiku. Do bị cáo không xác định được nhân thân, lai lịch của người đàn ông này nên chưa có cơ sở để điều tra, xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku tiếp tục xác minh và xử lý sau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh và hình phạt

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b, r, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Lê H phạm tội: “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê H 4 năm tù.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự: tổng hợp hình phạt 12 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS, tại bản án số 03/2019/HSST ngày 23/1/2019 của Tòa án nhân dân huyện IaGrai, tỉnh Gia Lai. *Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 05 năm tù.* Thời hạn tù tính từ ngày 09/11/2018.

Về dân sự: căn cứ Điều 46 BLHS, Điều 584 và Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Lê Thị Kim O số tiền 4.000.000 đồng, bồi thường cho bị hại Vũ Thị L số tiền 4.000.000 đồng, bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Mỹ P số tiền 1.800.000 đồng

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về xử lý vật chứng: Tiếp tục bảo thủ số tiền 2.000.000 đồng mà ông Lê N đã nộp thay bị cáo để đảm bảo thi hành án.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố Pleiku và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku ngày 11/7/2019).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku;
- Công an thành phố Pleiku;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Thanh Hà